

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 38/2013/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2013

THÔNG TƯ

**Ban hành Danh mục bổ sung phân bón được phép sản xuất,
kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam**

Căn cứ Luật Chất lượng, sản phẩm hàng hóa ngày 21/11/2007;

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP, ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 113/2003/NĐ-CP ngày 07/10/2003 của Chính phủ về quản lý sản xuất, kinh doanh phân bón; Nghị định số 191/2007/NĐ-CP ngày 31/12/2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2003/NĐ-CP ngày 07/10/2003 của Chính phủ về quản lý sản xuất, kinh doanh phân bón;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Trồng trọt;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư Danh mục bổ sung phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục bổ sung phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam bao gồm:

1. Danh mục bổ sung phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam gồm 785 loại phân bón (*Phụ lục 01*) được chia thành:

- a) Phân hữu cơ: 07 loại;
- b) Phân hữu cơ khoáng: 71 loại;
- c) Phân hữu cơ sinh học: 35 loại;
- d) Phân hữu cơ vi sinh: 111 loại;
- đ) Phân vi sinh vật: 23 loại;

- e) Phân bón lá: 535 loại;
- g) Chất giữ ẩm cải tạo đất: 02 loại;
- h) Phân bón có chứa chất tăng hiệu suất sử dụng: 01 loại.

2. Danh mục phân bón thay thế các loại phân bón đã có trong Danh mục phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam bao gồm 193 loại (*Phụ lục 02*) được chia thành:

- a) Phân hữu cơ: 02 loại;
- b) Phân hữu cơ vi sinh: 37 loại;
- c) Phân hữu cơ sinh học: 18 loại;
- d) Phân hữu cơ khoáng: 07 loại;
- đ) Phân bón lá: 129 loại.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 23 tháng 9 năm 2013.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Trồng trọt, Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Quốc Doanh

Phụ lục 01
DANH MỤC BỔ SUNG CÁC LOẠI PHÂN BÓN
ĐƯỢC PHÉP SẢN XUẤT, KINH DOANH VÀ SỬ DỤNG TẠI VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2013/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 8 năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

I. PHÂN HỮU CƠ

TT	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký
1	Đầu Trâu HC MK 1	%	HC: 22; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2,5-1,5-1; Ca: 0,05; Mg: 0,15; Độ ẩm: 20	CT CP Bình Điền Mekong
2	Gia Tường	ppm	Zn: 500; Cu: 300; B: 300	CT TNHH Gia Tường
3	Ong Biển	%	HC: 22; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2,5-1-1; Độ ẩm: 25	CT TNHH SX TM Đại Nam
4	Con Ó No 3 (Effect) cho cây ngắn ngày	%	HC: 25; Axit Humic: 4,5; N-P ₂ O ₅ : 2,5-3; Độ ẩm: 25 pH: 6,5-7	CT CP PB Miền Nam
5	Phát Lộc 7 (PL CaO) cho cây ngắn ngày	%	HC: 31; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3,16-3,35-3,37; CaO: 9,07; MgO: 1,02; Fe: 0,33; Độ ẩm: 25	CT TNHH Phát Lộc
6	TNP-Đồng tiền vàng 06	ppm	Zn: 300; Mn: 280; B: 47	CT TNHH SX TM Thuận Nông Phát
7	TNP-Đồng tiền vàng 08	%	HC: 25; Axit Humic: 5; Axit Fulvic: 1,5; N: 2,5; Azadirachtin: 2; Nicotoids: 2; Mg: 0,04; Độ ẩm: 25	
		ppm	Cu: 200; Zn: 200; Bo: 500; Fe: 200	
		%	HC: 25; Axit Humic: 6; Axit Fulvic: 2; N: 2,5; CaO: 2; S: 0,05; Mg: 0,04; Độ ẩm: 25	
		ppm	Cu: 200; Zn: 200; Bo: 500; Fe: 200	

II. PHÂN HỮU CƠ KHOÁNG

TT	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký
1	VIAN 5-2-2-TE+25% HC cho cây dài ngày	% ppm	HC: 25; Axit Humic: 1,8; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-2-2; CaO: 3,5; MgO: 2; S: 4; SiO ₂ : 4; Độ ẩm: 25 B: 1500; Zn: 200; Fe: 200; Mn: 200; Cu: 200	CT CP BVTV An Giang
2	VIAN 6-4-2-TE+25% HC cho cây dài ngày	% ppm	HC: 25; Axit Humic: 1,8; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 6-4-2; CaO: 12; MgO: 4; S: 4; SiO ₂ : 15; Độ ẩm: 25 B: 1500; Zn: 500	
3	VIAN 4-3-4-TE+25% HC cho cây dài ngày	% ppm	HC: 25; Axit Humic: 1,8; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-3-4; CaO: 3; MgO: 2; SiO ₂ : 6; Độ ẩm: 25 Zn: 1000	
4	VIAN 3,5-3,5-3,5-TE+25% HC cho cây dài ngày	% ppm	HC: 25; Axit Humic: 1,8; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3,5-3,5-3,5; CaO: 6,5; MgO: 3; SiO ₂ : 10; Độ ẩm: 25 B: 1500; Zn: 500; Fe: 200; Mn: 200; Cu: 200	CTTNHH MTV An Nhất
5	AN-OGR 4-2-2	% ppm	HC: 15; Axit Humic: 3; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-2-2; CaO: 1; MgO: 0,5; Độ ẩm: 20 Cu: 200; Zn: 300; Mn: 200; Fe: 300; B: 100	
6	AN-OGR 6-3-6	% ppm	HC: 15; Axit Humic: 2; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 6-3-6; CaO: 1; MgO: 0,5; Độ ẩm: 20 Cu: 200; Zn: 300; Mn: 200; Fe: 300; B: 100	
7	APN 4 -4-2	% ppm	HC: 15; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-4-2; Ca: 0,5; Mg: 0,05; Độ ẩm: 25 Fe: 200; Zn: 100; Cu: 100; B: 50; Mn: 100	CT TNHH Anh Phước Nguyên

TT	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký
8	AUMY-4.2.2 cho cây ngắn ngày	% ppm	HC: 15; Axit Humic: 1,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-2-2; CaO: 0,5; Độ ẩm: 25 MgO: 100; B ₂ O ₃ : 100; FeO: 100	CT TNHH MTV HC QT Âu Mỹ
9	Đầu Trâu HC MK 2	% ppm	HC: 18; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-4-2; Ca: 0,05; Mg: 0,15; Độ ẩm: 20 Zn: 500; Cu: 300; B: 300	CT CP Bình Điền Mekong
10	Đầu Trâu HC MK 3	% ppm	HC: 15; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 12-3-1; Ca: 0,05; Mg: 0,15; Độ ẩm: 20 Zn: 500; Cu: 300; B: 300	
11	Đầu Trâu HC MK 4	% ppm	HC: 15; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 7-5-3; Ca: 0,05; Mg: 0,15; Độ ẩm: 20 Zn: 500; Cu: 300; B: 300	
12	Đầu Trâu HC MK 5	% ppm	HC: 15; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-2-4; Ca: 0,05; Mg: 0,15; Độ ẩm: 20 Zn: 500; Cu: 300; B: 300	
13	Dynamic Lifter Standard Pellets	% ppm	HC: 39; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3,3-2,97-1,74; Ca: 2,5 S: 0,7; Mg: 0,4; Độ ẩm: 20 Mn: 300; Fe: 250; Zn: 300	CT TNHH QT Đức & Việt [NK từ Úc]
14	Foundan Agro NPK 12-3-3+OM+TE	% ppm	HC: 19; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 12-3-3; Ca: 2,4; S: 7; Độ ẩm: 16 Fe: 2000; Zn: 35; Cu: 6	CT TNHH Foundan Agro
15	Gold Star 9	% ppm	HC: 15; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-4-2; Mg: 0,6; Ca: 0,3; Độ ẩm: 25 B: 50; Zn: 50; Cu: 50; Mn: 50	CT TNHH TM Gold Star
16	Hải Phong - 05	%	HC: 15; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2-5-1; SiO ₂ : 6; MgO: 3; CaO: 2,5; Độ ẩm: 25	CT TNHH SX PB Hải Phong
17	Hải Phong - 06	%	HC: 15; Axit Humic: 3; P ₂ O ₅ : 8; SiO ₂ : 4; MgO: 3; CaO: 5; Độ ẩm: 25	